

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG T
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: **111/2021/HSST**
Ngày 11/6/2021.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG T – TỈNH ĐỒNG NAI

Với T phân Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Đức Nhân

Bà Trần Thị Hồng Phượng

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài Diễm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long T, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Lương Duy Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 11/6/2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long T, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 64/2021/TLST-HS ngày 30 tháng 3 năm 2021, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 112/2021/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 5 năm 2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T (Tên gọi khác: Bì), Sinh năm 1993 tại Đồng Nai.

Nơi đăng ký thường trú: Ấp A, xã B, huyện Long T, tỉnh Đồng Nai.

Nơi sinh sống: Ấp A, xã B, huyện Long T, tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: Lớp 9/12.

Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông Nguyễn Văn T (chết) và bà Nguyễn Thị L (chết)

Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất, có vợ là Tăng Thị Mỹ P, sinh năm 2000 và có 02 con, con lớn sinh năm 2019, con nhỏ sinh năm 2020.

Tiền án, tiền sự: không

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại Ấp A, xã B, huyện Long T, tỉnh Đồng Nai (Có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Luật sư Trần Văn G - Luật sư thuộc Văn phòng luật sư N- Đoàn luật sư tỉnh Đồng Nai (Có mặt).

- *Người đại diện hợp pháp của bị hại:*

1. Ông Lộc Sì K, sinh năm 1952

2. Bà Hỷ A M, sinh năm 1950 (Có mặt).

3. Chị Văn Thị Hoàng N, sinh năm 1997 (Có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã Lộ H, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của ông K và bà M: Chị Văn Thị Hoàng N (Văn bản ủy quyền ngày 01/6/2021).

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Anh Phùng Văn C, sinh năm 2000.

Địa chỉ: Thôn M, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn T có giấy phép lái xe mô tô theo quy định. Vào tối ngày 12/8/2020 sau khi ăn và uống rượu, Nguyễn Văn T điều khiển xe mô tô biển số 60F1-544.59 chở phía sau Phùng Văn C lưu thông hướng Quốc lộ 51 đi xã Bình An, huyện Long T. Đến 20 giờ 30 phút cùng ngày, khi đến km 16 + 600 đường 769 thuộc xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai, T điều khiển xe mô tô chuyển hướng rẽ trái qua phần đường ngược chiều thì va chạm với xe mô tô biển số 60B7-673.99 do Lộc Chạc C điều khiển lưu thông hướng xã Bình An đi Quốc lộ 51. Hậu quả làm anh Lộc Chạc C tử vong còn T và anh C bị thương tích.

Khám nghiệm hiện trường xác định:

Hiện trường nơi xảy ra tai nạn giao thông là đường thẳng, hai chiều lưu thông, có vạch sơn liền nét phân chia chiều đường.

Chiều đường nơi xảy ra tai nạn là chiều đường hướng lưu thông Dầu Giây đi Quốc lộ 51 có 02 làn đường, rộng làn lượt là 3,50m; 1,60m mặt đường phẳng trải nhựa phẳng.

Đánh số thứ tự theo số tự nhiên vị trí nạn nhân, phương tiện, tang vật, dấu vết:

(1) Vết cày xe mô tô biển số 60F1-544.59

- (2) Xe mô tô biển số 60F1-544.59.
- (3) Vết cày xe mô tô biển số 60B7-673.99
- (4) Xe mô tô biển số 60B7-673.99
- (5) Vết máu nạn nhân 1.
- (6) Vết máu nạn nhân 2.

Lấy mép đường bên phải hướng lưu thông Dầu Giây đi Quốc lộ 51 làm mép đường chuẩn.

Lấy trụ đèn số 16 ở bên trong lề phải theo hướng lưu thông Quốc lộ 51 đi Dầu Giây làm điểm mốc cố định.

Sau tai nạn hiện trường để lại các dấu vết, vị trí phương tiện được ghi nhận và mô tả như sau:

(1) Vết cày xe mô tô biển số 60F1-544.59. Sau tai nạn tại hiện trường để lại vết cày (1) đứt quãng liên tiếp dài 5,50m.

Đầu vết cày cách mép đường chuẩn là 2,40m, cuối vết cày nằm tại xe mô tô (2).

(2) Xe mô tô biển số 60F1-544.59. Sau tai nạn ngã về bên trái. Đầu xe quay về hướng bên trong mép đường chuẩn. Đuôi xe quay về hướng lề đường bên trái theo hướng lưu thông Dầu Giây đi Quốc lộ 51.

Trục bánh trước cách mép đường chuẩn là 1,10m.

Trục bánh sau cách mép đường chuẩn là 0,00m.

(3) Vết cày xe mô tô biển số 60B7-673.99. Sau tai nạn tại hiện trường để lại vết cày (3) đứt quãng liên tiếp dài 6,20m. Đầu vết cày cách mép đường chuẩn là 3,30m; cách đầu vết cày (1) là 2,00m. Cuối vết cày nằm tại xe mô tô (4).

(4) Xe mô tô biển số 60B7-673.99. Sau tai nạn xe ngã về bên trái. Đầu xe quay về hướng Dầu Giây đuôi xe quay về hướng Quốc lộ 51. Trục bánh trước cách mép đường chuẩn là 2,70m. Cách trục bánh sau xe mô tô (2) là 3,50m. Cách điểm mốc cố định là 9,55m. Trục bánh sau cách mép đường chuẩn là 2,10m.

(5) Vết máu nạn nhân (1). Sau tai nạn hiện trường để lại vết máu (1) không rõ hình dạng, kích thước. Tâm vết máu cách mép đường chuẩn là 3,90m. Cách trục bánh trước xe mô tô (4) là 1,30m.

(6) Vết máu nạn nhân (2). Sau tai nạn tại hiện trường để lại vết máu nạn nhân (2) không rõ hình dạng, kích thước. Tâm vết máu cách mép đường chuẩn là 1,10m. Cách trục bánh sau xe mô tô (2) là 8,80m.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 228 ngày 09/9/2020 của Trung tâm pháp y thuộc sở y tế tỉnh Đồng Nai kết luận: Nguyên nhân tử vong của Lộc Chạc C do: Chấn thương sọ não gây vỡ hộp sọ, dập não vùng đỉnh trái hai bên; chảy máu màng mềm hai bán cầu đại não, tiểu não; dập xuất huyết cầu não và trong nhu mô đại não.

Nồng độ cồn trong máu: 33,97mg/100ml.

Chất độc: Không phát hiện các chất thường gặp.

Tại Kết luận giám định số 5492/C09B ngày 19/11/2020 của Phân viện KHHS tại T phố Hồ Chí Minh kết luận:

1. Dấu vết trượt xước, gãy vỡ biến dạng các chi tiết phía trước xe mô tô biển số 60B7-673.99 (bánh xe, cung trước chấn bùm, mặt nạ, đèn chiếu sáng) có chiều từ trước về sau, dấu vết trên bánh xe có chiều từ mặt lăn vào tâm bánh phù hợp dấu vết trượt xước, nứt vỡ, biến dạng các chi tiết bên phải xe mô tô biển số 60F1-544.59 (ốp thân xe, giá đỡ chân sau, ốp lọc gió, lọc gió và ốp pô xe) có chiều từ phải sang trái.

2. Trên cơ sở cơ chế hình T dấu vết và các tài liệu kèm theo xác định:

2.1. Phía trước xe mô tô biển số 60B7-673.99 và bên phải xe mô tô biển số 60F1-544.59 là vị trí va chạm đầu tiên giữa hai phương tiện.

2.2. Khi va chạm xe mô tô biển số 60B7-673.99 chuyển động trên đường ĐT 769 hướng Bình An đi Quốc lộ 51, xe mô tô biển số 60F1-544.59 chuyển động từ bên phải sang bên trái đường ĐT 769 theo chiều ngược lại.

3. Ngoài các dấu vết nêu trên, không phát hiện thấy dấu vết va chạm giữa hai phương tiện nêu trên với phương tiện khác..

Kết quả xét nghiệm nồng độ cồn đối với Nguyễn Văn T vào lúc 09 giờ 45 phút 12 giây ngày 13/8/2020 là 14,73mg/dL.

Phương tiện liên quan đến vụ án: 01 xe mô tô biển số 60B7-673.99 (kèm theo giấy chứng nhận đăng ký xe) và 01 giấy phép hạng A1, số 750135008902 ghi tên Lộc Chạc C đã trả lại cho đại diện gia đình người bị hại.

Đối với 01 xe mô tô biển số 60F1-544.59 (kèm theo giấy chứng nhận đăng ký xe) là tài sản của Nguyễn Văn T chuyển đến Chi cục thị hành án dân sự huyện Long T tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Đối với 01 giấy phép hạng A1 số 890135012579 ghi tên Nguyễn Văn T được chuyển theo hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự đại diện hợp pháp của gia đình người bị hại yêu cầu bồi thường số tiền 200.000.000 đồng, bị cáo chưa bồi thường.

Trước Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Long T, bị cáo Nguyễn Văn T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình (bút lục số 70-82) phù hợp với kết quả khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm phương tiện (bút lục 21-28), kết luận giám định (bút lục số 51,52,68) kết quả đo nồng độ cồn (bút lục 108) và các tài liệu chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án.

Tại bản Cáo trạng số 69/CT-VKSLT ngày 23 tháng 3 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Long T đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội danh: “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm b khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo điều khoản nói trên và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2, Điều 260; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 03 (ba) năm đến 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù.

Tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T trình bày quan điểm bào chữa cho bị cáo: Thống nhất với nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Long T truy tố bị cáo về tội danh và khung hình phạt cũng như những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét thêm những tình tiết, căn cứ để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như: Bị cáo Nguyễn Văn T có trình độ học vấn 9/12, với hoàn cảnh cha mẹ bị cáo đều đã mất đã phần nào ảnh hưởng đến tâm lý, tình cảm cũng như việc giáo dục, chỉ bảo đối với bị cáo dẫn đến hạn chế của bị cáo về kinh nghiệm sống, kiến thức cũng như hiểu biết pháp luật. Nguyên nhân việc phạm tội cũng một phần xuất phát từ sự hạn chế và thiếu hiểu biết pháp luật của bị cáo nêu trên. Ngoài ra, bị cáo còn có hoàn cảnh gia đình hết sức khó khăn, cha mẹ của bị cáo đã mất và bị cáo hiện là lao động chính phải nuôi gia đình có 02 con còn nhỏ (một cháu sinh năm 2019 và một cháu mới sinh năm 2020) vợ của bị cáo mới sinh nên sức khỏe còn hạn chế và phải chăm 02 con nhỏ nên toàn bộ sinh hoạt của gia đình phụ thuộc vào thu nhập từ sức lao động của bị cáo, hoàn cảnh của bị cáo nêu trên đã được chính quyền địa phương xác

nhận. Trong toàn bộ quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đều thể hiện thái độ T khản khai báo, ăn năn hối cải, mặc dù hoàn cảnh gia đình rất khó khăn nhưng bị cáo cũng đã cố gắng nộp một khoản tiền để khắc phục bồi thường thiệt hại cho gia đình người bị hại. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo hưởng mức án nhẹ nhất trong mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn T đã khai nhận hành vi phạm tội, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, kết luận giám định pháp y về tử thi, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Từ đó, có đủ cơ sở xác định: Nguyễn Văn T có giấy phép lái xe mô tô hạng A1. Vào lúc 20 giờ 30 phút ngày 12/8/2020, tại km 16 + 600 đường 769 thuộc xã Bình An, huyện Long T, tỉnh Đồng Nai, Nguyễn Văn T có hành vi điều khiển xe mô tô biển số 60F1-544.59 (có dung tích xilanh 124 cm³) trong tình trạng có sử dụng rượu mà trong máu có nồng độ cồn vượt quá mức quy định, chuyên hướng không đảm bảo an toàn dẫn đến va chạm với xe mô tô biển số 60B7-673.99 do anh Lộc Chạc C điều khiển lưu thông đúng làn đường, chiều đường quy định, hậu quả làm anh C tử vong. Nguyên nhân dẫn đến vụ tai nạn giao thông được xác định hoàn toàn do lỗi của bị cáo. Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Văn T đã vi phạm quy định tại khoản 8 Điều 8 luật giao thông đường bộ (đã được sửa đổi, bổ sung tại Điều 35 Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia) và khoản 2, Điều 15 Luật giao thông đường bộ, gây hậu quả nghiêm trọng, do đó đã đủ yếu tố cấu T tội: “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 260 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Long T truy tố bị cáo với tội danh và khung hình phạt nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo là người trưởng T, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, mặc dù biết việc điều khiển phương tiện giao thông tham gia giao thông đường bộ phải chấp hành các quy định của Luật giao thông đường bộ để đảm bảo an toàn, tuy nhiên do chủ quan và thiếu ý thức chấp hành pháp luật, bị cáo đã điều khiển xe mô tô (có dung tích xilanh 124 cm³) trong tình trạng đã sử dụng rượu và không chấp hành đúng quy định của Luật giao thông đường bộ gây ra tai nạn, hậu quả làm chết người. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm an toàn công cộng, xâm phạm đến tính mạng của người khác là khách thể quan

trọng được pháp luật bảo vệ, gây đau thương, mất mát đối với người thân của người bị hại.

Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như sau:

Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã nộp một phần số tiền bồi thường thiệt hại cho gia đình người bị hại; bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn được chính quyền địa phương xác nhận. Do đó, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ tính chất và mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải xử phạt bị cáo hình phạt tù có thời hạn nhằm cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để bị cáo tập trung cải tạo, rèn luyện trở T một công dân tốt, đồng thời để răn đe, phòng ngừa chung trong xã hội.

[3] Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự:

Vật chứng vụ án: Đối với 01 xe mô tô biển số 60B7-673.99 (kèm theo giấy chứng nhận đăng ký xe) thuộc sở hữu của người bị hại; 01 giấy phép lái xe hạng A1 số 750135008902 ghi tên Lộc Chạc C, cơ quan điều tra đã trả lại cho đại diện gia đình người bị hại là đúng quy định pháp luật.

Đối với 01 xe mô tô biển số 60F1-544.59 (kèm theo giấy chứng nhận đăng ký xe) là tài sản thuộc sở hữu của bị cáo Nguyễn Văn T đã chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự huyện Long T, cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn T 01 giấy phép lái xe hạng A1 số 890135012579 ghi tên Nguyễn Văn T.

Về trách nhiệm dân sự: Đại diện hợp pháp của người bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại với tổng số tiền là 200.000.000 đồng, tại phiên tòa bị cáo đồng ý bồi thường cho gia đình bị hại số tiền nêu trên nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về án phí:

Bị cáo phải chịu số tiền 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và số tiền 10.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Về tính hợp pháp của các quyết định, hành vi tố tụng của điều tra viên, kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đều được thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b Khoản 2, Điều 260; điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 468, 584, 585, 586, 591 Bộ luật dân sự 2015:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội: “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

Về xử lý vật chứng: Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn T 01 giấy phép lái xe hạng A1 số 890135012579 (đã trả cho bị cáo tại phiên tòa theo biên bản giao nhận ngày 11/6/2021).

Tiếp tục tạm giữ 01 xe mô tô biển số 60F1-544.59 (kèm theo giấy chứng nhận đăng ký xe) của bị cáo Nguyễn Văn T để đảm bảo thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Nguyễn Văn T có nghĩa vụ phải bồi thường cho gia đình người bị hại số tiền 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại các Điều 357, 468 Bộ luật dân sự 2015.

Về án phí: Bị cáo phải chịu số tiền 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H. Long T;
- Chi cục THA DS H. Long T;
- Bộ phận HS nghiệp vụ CAH. Long T;
- Bị cáo; đương sự
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hữu Ngọc